

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-3-2022
V/v ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Doan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận
Bà Lưu Xông Pha

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bổng – Là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 411/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tòa nhà Park 2 Vinhome Central Park, số 208 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Danh Thị U, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Côi 5A, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông và bà Danh Thị U tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Đông, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/6/2015. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn do bà U không quan tâm gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ

chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Ông xác định không còn tình cảm nên xin ly hôn với bà U.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quảng Hoàng Dũng, sinh ngày 09/12/2014, hiện nay cháu đang sống với ông. Khi ly hôn, ông Q yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q có Đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Danh Thị U đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng bà Danh Thị U vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q, ông Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Danh Thị U đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà U, là đúng quy định. Ông Q yêu cầu được ly hôn nên xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà U xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của ông Q đối với bà U, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện công việc trong gia đình. Nay ông Q xác định ông không còn tình cảm với bà U nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với bà U. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các

văn bản tố tụng để bà U tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng bà U vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của ông Q. Điều đó chứng tỏ bà U đã không quan tâm đến việc hòa giải hàn gắn đoàn tụ cũng như bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Xét thấy, hôn nhân của ông Q và bà U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng. Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Q yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Quảng Hoàng Dũng, sinh ngày 09/12/2014. Xét thấy, hiện cháu Dũng đang sống chung với anh Q. Hơn nữa, cháu Dũng có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Bà U có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Q xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà Danh Thị U, nếu sau này có phát sinh tranh chấp bà U có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Danh Thị U. Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Đông, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 25/6/2015 không còn hiệu lực.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quảng Hoàng Dũng, sinh ngày 09/12/2014 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Bà U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Q phải chịu 300.000 đồng. Ngày 29/10/2021 ông Q đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0004091 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, ông Q đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q, bà Danh Thị U vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Đông, tỉnh Hưng Yên (Nơi ĐKKH);
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Doan